



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700510650

Vốn điều lệ: 200,000,000,000 VND

Địa chỉ: Số 854 Quốc lộ 1K, KP Châu Thới, P. Bình An, TX. Dĩ An, Bình Dương

Số điện thoại: (+84 274) 3770 160

Số fax: (+84 274) 3751 699

Website: www.vcom.com.vn / www.vinhkhanh.com.vn

Mã cổ phiếu: VKC

Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của công ty là Xí nghiệp Tư Doanh Cao Su Nhựa Vĩnh Khánh, được thành lập vào năm 1993 tại tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương). Lĩnh vực hoạt động chính của Vĩnh Khánh là sản xuất và kinh doanh ống nhựa phục vụ ngành bưu chính viễn thông.

Năm 1995, Xí nghiệp đổi tên thành Công ty TNHH Vĩnh Khánh với vốn điều lệ 5,3 tỷ VND theo Giấy phép thành lập số 396/GB.UB số phát hành 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05/12/1995 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sông Bé cấp.

Năm 1997, Công ty tăng vốn điều lệ lên 8,7 tỷ VND, bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh, đầu tư vào ngành Viễn thông, bắt đầu là sản xuất dây điện thoại thuê bao (dropwire).

Năm 1999, do nhận thức tầm quan trọng của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, Vĩnh Khánh là một trong những doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tiên phong trong việc đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002.

Năm 2002, với những nỗ lực phấn đấu và vươn lên trong suốt 5 năm, Vĩnh Khánh được Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa ASEAN tuyên dương là “Đơn vị tiêu biểu 5 năm liền 1997 – 2001” (Top 60). Những cố gắng của Vĩnh Khánh tiếp tục được Hiệp Hội Nhựa Việt Nam ghi nhận và trao tặng bằng khen “Doanh nghiệp xuất sắc 5 năm liền 1997 – 2002” (Top 24) vì trong 5 năm có tốc độ tăng trưởng 15% - 25% trên các mặt doanh thu, lợi nhuận, nộp Ngân sách Nhà nước và mức tăng tiền lương cho người lao động.

Tháng 6 năm 2003, Vĩnh Khánh cổ phần hoá và đổi tên thành Công ty Cổ Phần Vĩnh Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 ngày 02/06/2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp. Năm 2003 là một bước ngoặt trong lịch sử phát triển của Vĩnh Khánh vì

trong năm này Vĩnh Khánh đã mạnh dạn sắp xếp, tinh giản cơ cấu ngành nghề kinh doanh theo hướng hiệu quả hơn.

Năm 2005, Công ty chính thức mang tên Công ty Cổ Phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh, với vốn điều lệ là 85 tỷ đồng. Từ năm 2003 đến nay, quyết định đầu tư này đã đem lại cho Vĩnh Khánh những con số ấn tượng: doanh thu năm sau tăng gần gấp đôi năm trước, tăng từ 141 tỷ đồng (năm 2004) lên 235 tỷ đồng (năm 2005), 523 tỷ (năm 2006), 598 tỷ đồng (năm 2007), 262 tỷ (năm 2008), 356 tỷ (năm 2009), 476 tỷ (năm 2010), 669 tỷ (năm 2011), 742 tỷ (năm 2012), 821 tỷ (2013), 848 tỷ (2014), 1055 tỷ (2015).

Năm 2008, do sự chuyên đổi công nghệ từ sử dụng cáp đồng sang cáp quang trong ngành viễn thông, Vĩnh Khánh quyết định đầu tư nghiên cứu và triển khai sản xuất sản phẩm mới – cáp mạng LAN (Local Area Network) và trở thành nhà máy đầu tiên ở Việt Nam sản xuất các mặt hàng cáp mạng LAN loại Slim và Flat, phục vụ cho thị trường xuất khẩu.

Năm 2009, để mở rộng phát triển, Vĩnh Khánh tăng vốn điều lệ lên 130 tỷ đồng và chuẩn bị kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn mở rộng sản xuất kinh doanh.

Năm 2010, Công ty chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VKC.

Năm 2014, Vĩnh Khánh đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và phát triển, đầu tư sửa chữa và trang bị máy móc đáp ứng công nghệ mới, cho chuyên gia đào tạo nước ngoài cho ra những sản phẩm đột phá để mở rộng thị trường và đa dạng sản phẩm. Trong 5 năm liền Công ty được xếp hạng ngành nằm trong top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam FAST500 do Viet Nam Report nghiên cứu và đánh giá độc lập cập nhật thường niên. Tình hình xuất nhập khẩu được đảm bảo ổn định và tận dụng lợi thế xuất khẩu, đa dạng sản phẩm, tăng cường số lượng để tăng tỷ trọng doanh thu.

Năm 2015, Hoạt động sản xuất các loại hình kinh doanh tăng trưởng từ 30% -70%. Công ty nhân mạnh nhiều lợi thế phân khúc xuất khẩu nhờ những khách hàng truyền thống và kế hoạch mở rộng ra các thị trường các nước.

Năm 2016, Công ty vốn điều lệ lên đến 200 tỷ đồng đầu tư vào các mặt hàng sản xuất kinh doanh các loại dây cáp viễn thông.

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, Vĩnh Khánh đã đạt được những con số ấn tượng: doanh thu năm sau tăng rất nhiều so với những năm trước, từ 141 tỷ đồng (2004) lên 235 tỷ đồng (2005), 523 tỷ đồng (2006), 598 tỷ đồng (2007), 262 tỷ đồng (2008), 356 tỷ đồng (2009), 476 tỷ đồng (2010), 669 tỷ đồng (2011), 742 tỷ (2012), 821 tỷ đồng (2013), 848 tỷ đồng (2014), 1.055 tỷ đồng (2015), 1.146 tỷ đồng (2016) và 1.097 tỷ đồng (2017). Từ một xí nghiệp nhỏ sản xuất ống nhựa công suất trung bình 2000 tấn/năm, đến nay Vĩnh Khánh đã mở rộng quy mô và thay đổi cơ cấu ngành nghề kinh doanh hợp lý, có khả năng cung cấp trung bình một năm 120.000 thùng cáp mạng

LAN, 300.000 km dropwire, 1 triệu kg đồng, 10.000 tấn nhựa và 360.000 km cáp quang.

2. Sản phẩm chính của Công ty:

Vỏ xe

Thương mại vỏ xe chiếm 70% trong tổng doanh thu năm 2018 của Công ty, liên tục tăng trưởng qua các năm. Hiện nay Vĩnh Khánh đang phân phối vỏ xe Maxxis trên thị trường miền Trung và miền Nam với các chủng loại sản phẩm sau:

- Vỏ xe du lịch các loại qui cách (không sử dụng ruột) sản xuất tại Thái Lan.
- Vỏ xe tải và ruột xe tải sản xuất tại Việt Nam.
- Vỏ xe máy và ruột gắn máy các loại gồm vỏ ruột xe số và vỏ xe tay ga (không sử dụng ruột) sản xuất tại Việt Nam

Với chất lượng vượt trội, uy tín và dịch vụ chu đáo, vỏ xe Maxxis đã thật sự được người Việt Nam tin dùng.

Ống nhựa

Vĩnh Khánh chuyên sản xuất các loại ống uPVC, HDPE, phụ kiện và keo dán ống cho ngành cấp nước, điện lực, bưu chính viễn thông và dân dụng. Các sản phẩm của Vĩnh Khánh không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước mà còn đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Sản phẩm ống nhựa Vĩnh Khánh vinh dự nhận nhiều giải thưởng, như Huy chương vàng Vietbuild 12 năm liền (2003 – 2015), Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao, Cúp vàng Công nghiệp năm 2015,...

Các dòng sản phẩm chính:

- **Các loại ống nhựa uPVC:** là sản phẩm chủ lực của Công ty với sự đa dạng, phong phú về chủng loại. Các loại ống nhựa uPVC Công ty hiện đang sản xuất bao gồm: ống có khớp nối gioăng cao su, ống có khớp nối dán keo với đủ mọi kích cỡ có đường kính từ 16mm đến 400mm và đạt áp lực từ 6 đến 15 bar, có những ưu điểm như không ảnh hưởng đến chất lượng nước, chống ăn mòn từ môi trường nhiễm bẩn, độ bền hoá chất cơ lý cao, hệ số ma sát nhỏ giúp lưu lượng nước chảy nhanh, cách điện - nhiệt tốt, khó bắt lửa, không bị rỉ sét, tăng khả năng chịu va đập và áp lực lớn, nhẹ, dễ vận chuyển và lắp đặt dễ dàng. Với những đặc tính ưu việt đó, sản phẩm ống nhựa uPVC đã nhanh chóng thay thế cho các loại ống làm từ các vật liệu truyền thống như kim loại, bê tông. Hiện nay, ống nhựa uPVC được ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực như: hệ thống cấp nước và thoát nước trong các công trình xây dựng, công nghiệp nhẹ; ống dây điện, cáp điện trong công nghiệp năng lượng; ống phục vụ cho ngành bưu điện cáp quang,...
- **Các loại ống HDPE:** Ống HDPE hiện đang được Công ty sản xuất với các kích cỡ từ 20mm đến 315 mm và được ứng dụng nhiều trong cấp nước và ống thoát nước công nghiệp có đường kính lên đến 1200mm. Ống HDPE dùng cho các công trình cấp thoát nước, xây dựng dân dụng và xây dựng

điện, buro chính viễn thông, vận chuyển dung dịch có tính ăn mòn, dẫn nước và tưới tiêu. Tính ưu việt của ống HDPE là ống nhẹ, dễ lắp đặt, chi phí lắp đặt thấp; ống chịu được áp lực cao lên đến 16 bar, ống có đường kính nhỏ hơn 100mm có thể cuộn được, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

- **Ống nhựa hai lớp uPVC-HDPE:** Đây là loại ống hai lớp đầu tiên có mặt ở Việt Nam kết hợp được các ưu điểm vượt trội của ống uPVC và ống HDPE như: Lớp bên trong là lớp HDPE trơn láng; lớp bên ngoài là lớp PVC, dễ dàng đấu nối, dễ dàng lắp phụ kiện hơn ống HDPE, tiết kiệm chi phí lắp đặt, hàn nối so với hệ thống ống HDPE. Sản phẩm ống hai lớp phức hợp uPVC-HDPE thích hợp cho các hệ thống cấp nước sạch, nước nóng.

- Sản xuất và kinh doanh phụ tùng, phụ kiện, keo dán để lắp đặt ống nhựa.

Ngoài ra, Vĩnh Khánh còn sản xuất và kinh doanh ống gang, ống luồn dây điện, thanh nẹp tường, các sản phẩm khác phục vụ cho ngành buro chính viễn thông,...

Cáp viễn thông

Trước năm 2007, cáp viễn thông là sản phẩm chính trong cơ cấu doanh thu của Vĩnh Khánh. Đến năm 2008, do việc chuyển đổi công nghệ từ cáp đồng sang cáp quang đã làm cho doanh thu ngành cáp giảm sút. Chính vì thế, từ cuối năm 2008 đến nay, Vĩnh Khánh đã tập trung nghiên cứu chuyển đổi công nghệ từ sản xuất cáp đồng sang cáp quang phục vụ thị trường xuất khẩu.

Đến nay, Vĩnh Khánh có các sản phẩm truyền thống như:

- **Cáp thông tin kim loại loại treo và loại luồn cống có nhồi dầu:** Dây cáp làm bằng đồng đặc nguyên chất, các sợi được cách điện bằng nhựa PE tỷ trọng cao, mã hoá theo luật màu của Mỹ, ruột cáp có nhồi dầu chống ẩm, kể đến là lớp Polyeste bảo vệ lõi cáp. Ngoài ra còn có một lớp vỏ nhôm chống nhiễu và ngăn ẩm. Bên ngoài cùng là một lớp vỏ bảo vệ PE màu đen bền với tia tử ngoại. Loại cáp này có dây thép mạ kẽm để thi công có thể treo lên cột hoặc các cấu trúc đỡ khác. Cáp treo và cáp luồn cống thường được sử dụng để đấu nối từ tủ cáp phối đến hộp tâm điểm. Ngoài ra, còn được sử dụng để đấu nối từ các tủ tiếp cận thuê bao tới các tủ cáp phối.

- **Dây cáp Inside:** Cấu tạo của cáp inside gồm ruột dẫn làm từ đồng mềm, nguyên sợi, nguyên chất, bọc cách điện bằng lớp nhựa PE được mã hoá theo màu, kể đến là lớp Polyeste bảo vệ lõi cáp. Ngoài cùng là lớp vỏ bảo vệ PE màu đen bền với tia tử ngoại. Cáp inside được sử dụng để lắp đặt trong nhà, đấu nối từ tổng đài nội bộ hoặc hộp cáp chính đến tủ tiếp cận máy thuê bao.

- **Dây thuê bao điện thoại (Dropwire):** Cấu tạo của dropwire gồm ruột dẫn làm từ đồng mềm nguyên chất, nguyên sợi hoặc đồng mềm xoắn, hoặc đồng bao thiếc, có lớp bọc cách điện bằng lớp nhựa PE. Ngoài cùng là lớp vỏ bảo vệ PVC mềm bền với tia tử ngoại. Dây dropwire còn có dây thép gia cường để treo lên cột hoặc các cấu trúc đỡ khác. Dropwire được sử dụng để đấu nối từ các tủ tiếp cận thuê bao đến máy thuê bao.

Cáp sợi quang (Fibre Optic Cables)

Sợi quang đã trở thành một phương tiện thông dụng cho nhiều yêu cầu truyền thông. Nó có những ưu điểm vượt hơn so với các phương pháp truyền dẫn điện thông thường:

Dung lượng lớn: Các sợi quang có khả năng truyền những lượng lớn thông tin. Với công nghệ hiện nay trên hai sợi quang có thể truyền được đồng thời 60.000 cuộc đàm thoại.

Kích thước và trọng lượng nhỏ: So với một cáp đồng có cùng dung lượng, cáp sợi quang có đường kính nhỏ hơn và khối lượng nhẹ hơn nhiều.

Không bị nhiễu điện: Truyền dẫn bằng sợi quang không bị ảnh hưởng bởi nhiễu điện từ (EMI) hay nhiễu tần số vô tuyến (RFI) và nó không tạo ra bất kỳ sự nhiễu nội tại nào.

Tính cách điện: Sợi quang là một vật cách điện. Nó có thể loại bỏ được nhiễu gây bởi các dòng điện chạy vòng dưới đất hay những trường hợp nguy hiểm gây bởi sự phóng điện trên các đường dây thông tin như sét hay những trục trặc về điện.

Tính bảo mật: Sợi quang cung cấp độ bảo mật thông tin cao. Một sợi quang không thể bị trích để lấy trộm thông tin bằng các phương tiện điện thông thường như sự dẫn điện trên bề mặt hay cảm ứng điện từ, và rất khó trích để lấy thông tin ở dạng tín hiệu quang.

Độ tin cậy cao và dễ bảo dưỡng: Những tuyến cáp quang được thiết kế thích hợp có thể chịu đựng được những điều kiện về nhiệt độ và độ ẩm khắc nghiệt và thậm chí có thể hoạt động ở dưới nước. Sợi quang có thời gian hoạt động lâu, ước tính trên 30 năm đối với một số cáp.

Sự tái tạo tín hiệu: Công nghệ ngày nay cho phép thực hiện những đường truyền thông bằng cáp quang dài trên 70 km trước khi cần tái tạo tín hiệu, khoảng cách này còn có thể tăng lên tới 150 km nhờ sử dụng các bộ khuếch đại laze.

Hiện nay, Vĩnh Khánh đã đưa vào sản xuất và kinh doanh các loại cáp quang có tính ứng dụng cao như sau: Dropwire quang ; Cáp quang phi kim loại loại treo; Cáp quang phi kim loại loại luồn cống Ngoài ra, hiện nay Vĩnh Khánh còn có các chủng loại sản phẩm cáp mạng LAN hướng đến thị trường xuất khẩu:

- **Cáp mạng Cat5e/Cat6:** loại dây UTP/STP/FTP.
- **Dây patchcord Cat5e/Cat6 loại chuẩn (standard):** loại dây có chiều dài: 1m, 2m, 3m, 5m, 10m, 15m, 20m. Dây được sử dụng để nối máy tính với máy tính hoặc máy tính với hub. Sản phẩm cáp mạng LAN của Vĩnh Khánh sử dụng đầu RJ45 với các chân có mạ 50um vàng, đảm bảo tốc độ truyền dẫn đạt tiêu chuẩn Cat 5e và Cat 6.
- **Dây patchcord Cat5e/Cat6 loại nhỏ (Slim):** loại dây có chiều dài: 1m, 2m, 3m, 5m, 10m, 15m, 20m. Dây được sử dụng để nối máy tính với máy tính hoặc máy tính với hub. Sản phẩm cáp mạng LAN của Vĩnh Khánh sử dụng đầu RJ45 với các chân có mạ 50µm vàng, đảm bảo tốc độ truyền

dẫn đạt tiêu chuẩn Cat 5e và Cat 6. Đặc biệt đường kính ngoài 3.6mm, với tiết diện nhỏ hơn rất nhiều so với cáp mạng loại Standard, có tính thẩm mỹ cao, thích hợp thi công ở các văn phòng, tòa cao ốc và giảm được suy hao khi có tác động của ngoại lực vào dây cáp. Đây là một trong những sản phẩm được Vĩnh Khánh nghiên cứu và sản xuất lần đầu tiên tại Việt Nam.

- **Dây patchcord Cat5e/Cat6 loại đẹp (Flat):** loại dây có chiều dài: 1m, 2m, 3m, 5m, 10m, 15m, 20m. Dây được sử dụng để nối máy tính với máy tính hoặc máy tính với hub. Sản phẩm cáp mạng LAN của Vĩnh Khánh sử dụng đầu RJ45 với các chân có mạ 50um vàng, đảm bảo tốc độ truyền dẫn đạt tiêu chuẩn Cat 5e và Cat 6. Với độ dày 1.6mm và dây đẹp, loại patch cord này rất nhỏ, gọn, tính thẩm mỹ cao, dễ thi công, ít bị suy hao do vặn xoắn. Đây cũng là một trong những sản phẩm được Vĩnh Khánh nghiên cứu và sản xuất lần đầu tiên tại Việt Nam.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:

a. Đại Hội Đồng Cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng Quản trị quy định theo Điều lệ.

b. Hội đồng Quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

c. Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

d. Ban Tổng Giám đốc:

o Tổng Giám đốc là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

o Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, và Kế Toán trưởng Công ty.

o Trợ lý Tổng Giám đốc: Tham mưu, cố vấn cho Tổng Giám đốc trong những lĩnh vực đặc thù cần có chuyên môn sâu, rộng... Chủ động nghiên cứu, đề xuất với Tổng Giám đốc các chiến lược, sách lược, chủ động giải quyết công việc theo sự ủy quyền của Tổng Giám đốc, và thường xuyên thông tin, báo cáo công việc đến Tổng Giám đốc.

e. Phòng Kinh doanh: Phòng Kinh doanh là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty Cổ phần Cấp – Nhựa Vĩnh Khánh. Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực kinh doanh, Nghiên cứu và khai thác thị trường, Chăm sóc khách hàng, Công tác thủ tục, hồ sơ đấu thầu, Công tác giao đơn hàng sản xuất và giao hàng cho khách hàng

g. Phòng Quản lý chất lượng:

Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty Cổ phần Cấp – Nhựa Vĩnh Khánh. Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực như sau :

o Kiểm soát chất lượng (QC); Kiểm soát Chất lượng là người đại diện cho khách hàng về chất lượng sản phẩm;

o Kiểm soát chất lượng của tất cả các hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu... sản phẩm từ đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất ; Trong quá trình sản xuất; Và thành phẩm đầu ra của quá trình sản xuất – Kể quá trình lưu kho theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Công ty VCOM, và của khách hàng;

h. Phòng Vật tư :

Phòng Vật tư là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty Cổ phần Cấp – Nhựa Vĩnh Khánh. Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực như sau Kế hoạch và thực hiện cung ứng; Chọn lựa nhà cung cấp hàng hóa (nguyên, nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ, dịch vụ...) phục vụ cho quá trình sản xuất – kinh doanh; Quản lý vật tư, sản phẩm và cung ứng vật tư, hàng hóa đáp ứng nhu cầu Sản xuất – Kinh doanh; .

i. Phòng Tài chính – Kế toán:

Phòng Tài chính - Kế toán là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty Cổ phần Cấp – Nhựa Vĩnh Khánh. Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực kế hoạch, tài chính, kế toán

j. Phòng Nhân sự – Hành chính:

Phòng Nhân sự – Hành chính là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty Cổ phần Cấp – Nhựa Vĩnh Khánh. Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực nhân sự, hành chính

k. Xưởng Nhựa:

Xưởng Nhựa là đơn vị trực tiếp sản xuất theo đơn hàng của Công ty giao như: Ống nhựa uPVC, HDPE; Phụ kiện và keo dán ống cho ngành cấp nước, điện lực, bưu chính viễn thông và dân dụng; Tạo hạt Nhựa...

l. Xưởng Cáp:

Xưởng Cáp là đơn vị trực tiếp sản xuất theo đơn hàng của Công ty giao như: Cáp Mạng (Cáp LAN); Cáp Quang (trong ngành Viễn Thông); Cáp Viễn thông; Dây điện: Dây điện dân dụng (VC, VCm, VCmt,...); Dây cáp điện lực (CV, CVV, DVV...); Cáp điện kế; Dây đồng (phục vụ cho ngành Viễn thông; dây điện cho ngành Điện lực)...

m. Xưởng Cơ Điện:

Xưởng Cơ Điện là đơn vị trực tiếp sản xuất bao gồm: Cung cấp các dịch vụ cơ khí, điện, và nguồn năng lượng cho nhu cầu sản xuất của Công ty.

n. Trung tâm Kinh doanh Vô Xe:

Trung tâm Kinh doanh Vô xe là đơn vị trực tiếp kinh doanh thương mại theo yêu cầu của Tổng Giám đốc Công ty bao gồm: Kinh doanh Vô xe, ruột xe là nhà phân phối độc quyền của Hãng Chengshin.

4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- ✓ Thị phần sản phẩm Cáp các loại chiếm 60% - 70% (đấu thầu trên thị trường cả nước).
- ✓ Thị phần sản phẩm Nhựa chiếm 4% (tiêu thụ thị trường bên ngoài), chủ yếu phục vụ nội bộ là nguyên liệu cung cấp cho sản phẩm Cáp của Công ty Vĩnh Khánh và cho khách hàng cùng ngành nghề.
- ✓ Thị phần kinh doanh thương mại Vô, Ruột xe chiếm 70% - 75% phạm vi được phép phân phối độc quyền.
- ✓ Doanh thu đạt bình quân từ năm 2018 – 2020 là 900 – 1,200 tỷ đồng/ năm.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- ✓ **Tăng trưởng :** Mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm có tính đến hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao, tăng cường chủ động khai thác khách hàng.
- ✓ **Công nghệ :** Nâng cấp công nghệ, đầu tư thiết bị phù hợp với từng thời kỳ phát triển.
- ✓ **Tổ chức :** Cấu trúc lại bộ máy chuyên nghiệp, thiết lập hệ thống kiểm soát hiệu quả.
- ✓ **Nhân sự :** Thiết lập hệ thống trả lương; Đánh giá năng lực, tuyển dụng, bố trí “ đúng người, đúng việc “, đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Thiết lập hệ thống giao mục tiêu, đánh giá và trả lương theo kết quả công việc, để tạo động lực làm việc.

- ✓ **Tài chính:** Tập trung kiểm soát tài chính đảm bảo cân đối dòng tiền trong sản xuất kinh doanh.

5. Các rủi ro:

Rủi ro về thay đổi công nghệ

Biến động trong việc phát triển kinh tế sẽ ảnh hưởng đến ngành viễn thông và làm thay đổi về công nghệ viễn thông của đất nước, từ đó kéo theo sự thay thế công nghệ quang cho công nghệ cáp đồng. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ cáp đồng của Vĩnh Khánh. Vì thế, ngay từ năm 2007, Công ty Vĩnh Khánh đã nghiên cứu chuyển đổi công nghệ sản xuất từ cáp thoại viễn thông sang cáp mạng LAN (Local Area Network), phục vụ thị trường xuất khẩu và trong nước. Đồng thời, Vĩnh Khánh cũng đầu tư chuyển máy sản xuất cáp quang, phục vụ cho kế hoạch quang hóa “FTTH” (Fiber to the Home).

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, trong đó chủ yếu là đồng nguyên liệu và các loại hóa chất, nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Việc biến động giá đồng nguyên liệu và các loại hoá chất thường bắt nguồn từ những biến động về tình hình kinh tế, chính trị thế giới cũng như việc giá dầu thế giới tăng mạnh cùng với việc tăng tiêu thụ, dự trữ đồng của một số nước lớn trên thế giới.

Để đối phó với biến động về giá nguyên vật liệu, hiện nay, Công ty đã sử dụng một số biện pháp như: Lập kế hoạch sản xuất, mua nguyên vật liệu dựa trên đơn đặt hàng của khách hàng; Tổ chức thực hiện nghiên cứu, đánh giá về sự biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường thế giới để làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu; Thực hiện các hợp đồng mua nguyên vật liệu theo kỳ hạn để bình quân biến động giá nguyên vật liệu theo thị trường thế giới ; Hợp lý hoá quy trình sản xuất để giảm hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, tận dụng triệt để sản phẩm hỏng cho những khâu sản xuất khác. ..

Như vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu rủi ro do biến động về giá nguyên vật liệu. Song, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm, khi đó Công ty có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu hoặc khi Công ty có thể chủ động được nguồn nguyên vật liệu thì những rủi ro này cũng được hạn chế rất nhiều.

Rủi ro trong kinh doanh bán hàng

Trong lĩnh vực kinh doanh ống nhựa: khách hàng chủ yếu hiện tại của công ty là các công ty bưu chính viễn thông, công ty điện lực và công ty cấp thoát nước. Với tình hình cắt giảm ngân sách Nhà nước trong giai đoạn hiện nay có thể ảnh hưởng trực tiếp đến doanh số của ngành ống nhựa của công ty. Ngoài ra, những chính sách mua thông qua hình thức đấu thầu để xây dựng công trình

với số lượng biến động theo từng gói thầu ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận trong kỳ. Vì thế, song song với việc duy trì và phát triển khách hàng công trình, công ty cũng tập trung xây dựng đại lý phân phối ống nhựa dân dụng, đối tượng khách hàng mang lại doanh thu và lợi nhuận cao trong tương lai

Trong lĩnh vực cáp và vật liệu viễn thông: Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) là khách hàng tiêu thụ sản phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu của các công ty cáp và vật liệu viễn thông trong thời gian qua. Với tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm cao của VNPT như vậy, thị trường cáp đồng dùng trong viễn thông Việt Nam chưa có đủ các yếu tố của một thị trường cạnh tranh và phụ thuộc nhiều vào chính sách mua hàng của người mua. Đối với công ty, Công ty đã và đang mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho những nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác ngoài VNPT như Công ty FPT và thị trường xuất khẩu như Nhật Bản, Philippin, Mỹ, Đồng thời, với sản phẩm mới cáp mạng LAN, công ty định hướng phát triển thị trường OEM xuất khẩu (sản phẩm nước ngoài gia công nội địa) và mở rộng hệ thống phân phối trong nước để đa dạng hóa khách hàng, gia tăng doanh số và lợi nhuận.

Đối với các sản phẩm mới Công ty đã và đang có kế hoạch đầu tư như cáp LAN, đồng nguyên liệu...thì mức độ chấp nhận và tiêu thụ của thị trường chưa thể tính toán chính xác được. Mặc dù vậy, theo xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng thì đây là những mặt hàng thiết yếu, đáp ứng nhu cầu, xu thế phát triển của Việt Nam nói riêng, thế giới nói chung nên tiềm năng phát triển và nhu cầu của thị trường là tương đối cao.

Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thuận lợi:

Chuyển biến từ cuối năm 2013 và tiếp tục cho đến những tháng đầu năm 2018 nền kinh tế Việt Nam phục hồi rõ nét và đạt tốc độ tăng trưởng cao đã dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty tăng trưởng cao so với kế hoạch đề ra và cao hơn nhiều so với cùng kỳ những năm trước. Mặc dù có sự biến động mạnh của thị trường vật liệu thế giới nhưng đến năm 2015 khi giá dầu thô giảm mạnh, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước như hỗ trợ lãi suất, gia hạn nộp thuế, giảm thuế và sự hỗ trợ chi phí Marketing của nhà cung cấp vỏ xe theo sự phát triển của thị trường vỏ ruột xe...

là những yếu tố quan trọng làm nền tảng cho sự phát triển của các ngành sản xuất nói chung và ngành sản xuất cáp nhựa nói riêng của Công ty.

Bên cạnh đó, với thương hiệu hơn 25 năm trong ngành, sản phẩm của Công ty Vĩnh Khánh cũng dần quen thuộc và được những đối tác, người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Đồng thời, Vĩnh Khánh cũng là đơn vị có nguồn nhân lực khá ổn định và làm việc lâu dài, đóng góp những kinh nghiệm quản lý, sản xuất cho Công ty.

Khó khăn:

Ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu: Tình hình xuất khẩu các sản phẩm tranh ngày càng được nâng cao, là một trong mười ngành được nhựa của Việt Nam trong 10 năm trở lại đây liên tục tăng trưởng khả quan, tính cạnh nhà nước ưu tiên phát triển. Tuy nhiên, hiện nay ngành nhựa nước ta vẫn đang phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ bên ngoài (chiếm đến 80%) cùng với việc tăng giá điện khiến các chi phí hoạt động sản xuất của doanh nghiệp ngành nhựa tăng cao do chi phí điện chiếm 10-15% tổng chi phí sản xuất hiện nay, sản phẩm sản xuất ra không thể tăng cao do yếu tố cạnh tranh, khiến nhiều doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn

Áp lực cạnh tranh ngành nhựa trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài: Doanh nghiệp sản xuất nhựa Việt Nam luôn duy trì mức tăng trưởng 11% ổn định trong suốt 5 năm qua. Năm 2016, tốc độ tăng trưởng ngành nhựa được dự đoán sẽ tăng lên 15%. Mức độ tăng trưởng ổn định và ấn tượng của ngành nhựa tại Việt Nam đã hấp dẫn những công ty nhựa lớn nước ngoài tham gia đầu tư tại Việt Nam. Tính trên cả nước hiện có khoảng gần 1.500 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm ưu thế với 85%. Trong năm 2016, nhà nước thoái vốn tại nhiều doanh nghiệp nhựa, mức tổng đầu tư toàn ngành nhựa sẽ tiếp tục thay đổi mạnh theo hướng doanh nghiệp ngoại ngày càng chiếm ưu thế.

Đối với mặt hàng cáp cũng không ngoại lệ khi nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất cáp viễn thông là đồng, nhựa, băng nhôm... hầu như vẫn là nhập khẩu hoặc mua lại của các đơn vị nhập khẩu khác. Điều này là nhân tố chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí giá vốn hàng bán của Công ty tăng cao trong những năm này.

Nhu cầu cáp viễn thông thay đổi trong các năm vừa qua: Nhu cầu về cáp viễn thông đồng tại thị trường Việt Nam thay đổi, đi kèm với nó là sự có mặt của một số Công ty sản xuất cáp viễn thông như: Sacom, Cáp Sài Gòn, Taihan-Sacom, Thăng Long, Thiên Thành, Việt Hàn ... tạo ra một môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Việc chuyển đổi từ cáp viễn thông đồng sang cáp quang từ 2008 của ngành viễn thông, đến nay Vĩnh Khánh luôn tập trung nghiên cứu đổi mới để đưa ra thị trường sản phẩm cáp cáp quang với chất lượng cao nhằm phục vụ thị trường trong nước

và xuất khẩu, và đã dần khẳng định được vị thế hàng đầu của mình với nhiều đối tác xuất khẩu nước ngoài như Philippin, Nhật Bản, Đài Loan.

Hội nhập – Nguy cơ và thách thức: Theo các chuyên gia trong ngành, dù tăng trưởng khả quan và đầu tư bài bản, nhưng nhìn chung, doanh nghiệp nhựa vẫn chưa hoàn toàn lạc quan vì vẫn phải đối đầu với nhiều thách thức, nhất là khi năm 2016, hàng rào phi thuế quan được dỡ bỏ thì áp lực cho doanh nghiệp trong nước càng lớn.

Trong khi đó, ngành nhựa ở một số quốc gia trong khu vực ASEAN đã có trình độ sản xuất cao hơn như Thái Lan hướng tới sản xuất các sản phẩm nhựa công nghệ sinh học, thân thiện với môi trường, Malaysia là nơi cung cấp màng kéo nhựa polyetylen.chưa có nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng.

Bước sang năm 2018, với chiến lược đầu tư đúng đắn được định hình từ năm 2010, bên cạnh việc đầu tư những dây chuyền công nghệ mới hiện đại, Công ty sẽ mở rộng phát triển để phục vụ cho thị trường trong nước vẫn đang thiếu hụt do các doanh nghiệp lớn hiện nay đều định hướng xuất khẩu sang các thị trường châu Âu, Mỹ và kết hợp giữa việc giữ vững thị phần, mở rộng với việc tiếp cận gần hơn tới các khách hàng tiêu dùng dân dụng qua các chính sách bán hàng mới. Bên cạnh việc chú trọng mở rộng thị trường cho các sản phẩm chủ lực của Công ty ngày càng phát triển, Vĩnh Khánh vẫn tiếp tục nghiên cứu và triển khai sản phẩm mới.

2. Tổ chức và nhân sự

Công ty áp dụng phương án trả lương theo thực tế công việc được giao, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, vị trí công việc nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao, đảm bảo chính sách lương, thưởng xứng đáng và công bằng với cống hiến chất xám.

Ngoài các chế độ thưởng cuối năm, Công ty còn áp dụng các chính sách thưởng sáng kiến, thưởng kinh doanh hàng tháng, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đặc biệt, Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng Chính sách thu hút và giữ chân nhân tài lâu dài và có hiệu quả nhất là tạo môi trường làm việc tốt, thoải mái, ổn định và tin cậy. Thực tế qua cuộc khảo sát quan điểm của CBNV Vĩnh Khánh năm 2018 cho thấy 82% người lao động trong Công ty hài lòng với môi trường làm việc của Vĩnh Khánh, cho rằng đó là một môi trường làm việc hợp tác, thân thiện, thoải mái, có tinh thần trách nhiệm, công nhân viên được đối xử công bằng, tin cậy và có được sự linh hoạt để sáng tạo trong công việc. Yếu tố môi trường làm việc tác động gần 40% đến mức độ hài lòng của người lao động khi làm việc tại Vĩnh Khánh.

Ngoài ra, để thu hút nhân tài gắn bó, Công ty còn áp dụng chính sách thăng tiến linh hoạt. Việc áp dụng chế độ tuyển dụng nội bộ và đào tạo bổ sung để tạo điều kiện cho người lao động trong

Công ty có được một “Career Building”, một môi trường làm việc rộng mở để người lao động thể hiện và chứng minh năng lực của mình thực sự đã góp phần thu hút và giữ chân người lao động.

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Phân theo trình độ	31/12/2017	31/12/2018
Thạc sĩ, tiến sĩ	1 người	1 người
Đại học	31 người	21 người
Cao đẳng	7 người	5 người
Trung cấp, bậc nghề	40 người	34 người
Lao động phổ thông	127 người	90 người

Phân theo chức năng		
Lao động trực tiếp	96 người	50 người
Lao động gián tiếp	109 người	100 người

3. Tình hình tài chính:

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	895,239,595,174	1,097,639,037,081
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	74,140,055	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	895,165,455,119	1,097,639,037,081
11	4. Giá vốn hàng bán	849,247,453,322	1,028,583,987,643
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45,918,001,797	69,055,049,438
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	3,373,431,293	5,670,206,822
22	7. Chi phí tài chính	19,411,007,800	19,127,533,428
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	18,654,410,059	18,167,305,279
25	8. Chi phí bán hàng	23,540,882,051	22,080,911,308
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,021,360,951	22,008,413,164
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(12,681,817,712)	11,508,398,360
31	11. Thu nhập khác	17,342,318,345	432,857,057
32	12. Chi phí khác	19,741,529	364,295,231
40	13. Lợi nhuận khác	17,322,576,816	68,561,826
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,640,759,104	11,576,960,186

51	15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,579,444,282	2,783,717,456
52	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	551,926,228
60	17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,061,314,822	8,241,316,502
70	18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	98	391
71	19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	98	391

5. Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 27.07.2018)

STT	Khoản mục	Tỉ lệ sở hữu
1	Cá nhân trong nước	81.77%
2	Cá nhân nước ngoài	0.87%
3	Tổ chức trong nước	1.33%
4	Tổ chức nước ngoài	16.03%
	TỔNG CỘNG	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nhập khẩu. Nguồn nhập khẩu của Công ty đa số là từ các nhà cung cấp có uy tín trên thị trường quốc tế như Dow Chemical, Chengshin Ltd., Co. Ngoài ra, để tiết kiệm chi phí và ổn định giá nhập khẩu, Công ty thường lập kế hoạch nhập hàng theo từng lô sản xuất dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý.

Các nhà cung cấp chủ yếu nguyên vật liệu cho Công ty là các nhà cung cấp lớn và có tiếng trên thị trường trong nước và quốc tế mà công ty đã có mối quan hệ mật thiết từ 15 năm qua do đó có thể nói nguồn nguyên vật liệu đầu vào của công ty luôn ổn định. Ngoài các nhà cung cấp thường xuyên, đối với mỗi loại nguyên vật liệu công ty luôn có nhiều nhà cung cấp dự phòng có thể thay thế bất cứ lúc nào với số lượng đảm bảo và mức giá không thay đổi.

Hơn nữa, những loại nguyên vật liệu mà công ty dùng đều là những loại thông dụng không phải là những loại nguyên liệu thuộc loại hiếm, khó tìm, nên việc tìm những nhà cung cấp mới là hoàn toàn dễ dàng. Điều này góp phần làm ổn định và bền vững của nguồn cung cấp nguyên vật liệu của công ty, góp phần đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Đối với ngành cấp, tỷ trọng của nguyên vật liệu dây đồng trong giá thành sản xuất cấp của Công ty chiếm khoảng 65% trên của tổng giá thành. Do đó để hạn chế rủi ro do biến động lớn của giá đồng nguyên liệu, Công ty thường ký hợp đồng dài hạn mua đồng nguyên liệu với các nhà cung

cấp và hợp đồng bán sản phẩm theo giá đồng LME (London Metal Exchange). Công ty còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động tỷ giá, nhất là trong giai đoạn hiện nay, tỷ giá đang có những diễn biến tăng khá mạnh ảnh hưởng từ tình hình lạm phát tăng cao. Điều này dẫn tới giá nguyên vật liệu phục vụ sản xuất tăng khiến chi phí đầu vào của Vĩnh Khánh tăng cao. Do đó để hạn chế rủi ro do biến động lớn của giá đồng nguyên liệu, Công ty thường ký hợp đồng dài hạn mua đồng nguyên liệu với các nhà cung cấp theo giá đồng LME (London Metal Exchange).

Đối với ngành kinh doanh ống nhựa, nguyên vật liệu chủ yếu mua trong nước. Hiện nay, Công ty đã sử dụng một số biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của việc tăng giá nguyên vật liệu như: Lập kế hoạch sản xuất, mua nguyên vật liệu dựa trên đơn đặt hàng của khách hàng; Tổ chức thực hiện nghiên cứu, đánh giá về sự biến động giá nguyên liệu trên thị trường thế giới để làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu; Hợp lý hoá quy trình sản xuất để giảm hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, tận dụng triệt để sản phẩm hỏng cho những khâu sản xuất khác. .. Khi giá nguyên vật liệu tăng liên tục trong một thời gian dài, Công ty điều chỉnh giá bán để đảm bảo lợi nhuận.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng sử dụng trực tiếp chủ yếu là điện năng để phục vụ cho hoạt động của các chuyên máy. Ngoài ra còn sử dụng dầu DO để cung cấp cho các phương tiện vận chuyển tại Công ty.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

6.3. Tiêu thụ nước

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước được sử dụng tại nhà máy là nước thủy cục do Xí nghiệp cấp nước Dĩ An cung cấp. Bình quân lượng nước sử dụng khoảng 1.027 m³/tháng.(toàn bộ hệ thống nhà máy)
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 70% lượng nước phát sinh trong trong quá trình sản xuất được tái sử dụng lại. Tương ứng với khoảng 700 m³/tháng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động tại công ty vào khoảng 150 người và mức lương trung bình của người lao động là 6,8 triệu/tháng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công

nhân làm việc tại công ty được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động và hằng năm được đào tạo các kiến thức về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Đối với công nhân làm việc trong khu vực độc hại thì công ty có hỗ trợ phụ cấp độc hại cho các công nhân này.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên : Bình quân mỗi công nhân vào làm việc được đào tạo khoảng 48 giờ.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đối với các nhân viên được quy hoạch công ty sẽ cử các nhân viên này đi học các khóa đào tạo bên ngoài các kiến thức về quản lý và kỹ thuật liên quan theo từng vị trí công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty tổ chức phong trào “ Xanh- Sạch- Đẹp. Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động”

Phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty xây dựng và thực hiện các quy định, chế độ chính sách về bảo hộ lao động

Xây dựng và duy trì Phương án PCCC tại cơ sở, thành lập và duy trì Đội PCCC, thực hiện tốt an toàn lao động.

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội như ủng hộ quỹ vì Trường sa thân yêu, Quỹ vì người nghèo, ...

Hằng năm công ty thường tổ chức tặng quà cho các em thiếu nhi vào dịp tết trung thu, tặng quà cho các hộ gia đình nghèo trên địa bàn vào dịp lễ tết nguyên đán. Ngoài ra, còn hỗ trợ kinh phí cho các chương trình đền ơn đáp nghĩa, xây dựng công trình thanh niên theo sự kêu gọi của chính quyền địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch HĐQT đã chủ trì các cuộc họp của HĐQT, đồng thời thay mặt các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng của công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động tổ chức và kinh doanh, có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp.

Bên cạnh đó, thành viên HĐQT cũng thường xuyên nhận được thông báo từ Chủ tịch HĐQT thông qua văn bản, email hoặc điện thoại về tình hình hoạt động của công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định. Do đó HĐQT luôn nắm bắt sát sao, kịp thời để chỉ đạo và đôn đốc các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. Cụ thể HĐQT đã giám sát Ban Giám đốc các hoạt động cơ bản:

- ✓ Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2018.
- ✓ Ký kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2018.

- ✓ Xúc tiến việc hợp tác với các công ty lớn trên thế giới về sản xuất và xuất khẩu.
- ✓ Đầu tư phát triển, đồng bộ cơ sở hạ tầng nhà máy.
- ✓ Tiếp tục phát triển và cải tiến các dây chuyền sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất.
- ✓ Chi đạo định hướng kinh doanh toàn Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

IV. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên chủ chốt (tính tới ngày 31/12/2018)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần do cá nhân nắm giữ
1	Lâm Quy Chương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.100.000
2	Phạm Linh	Thành viên Hội đồng quản trị	-
3	Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc	2.000.000
4	Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	5.000
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị	18.000
6	Lê Minh Chi	Trưởng Ban kiểm soát	1.000
7	Hà Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	500
8	Lê Thanh Duy	Thành viên Ban kiểm soát	-
9	Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám Đốc	-
10	Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	500.000

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban nhân sự và tiểu ban tiền lương

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT	12/12	100%
2	Ông Võ Thiên Chương	Ủy viên HĐQT	07/07	100%
3	Ông Phạm Linh	Ủy viên HĐQT	12/12	100%
4	Ông Phạm Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT	12/12	100%

5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	12/12	100%
---	-----------------------	--------------	-------	------

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Minh Chi	Trưởng ban	2014	05/05	100 %	
2	Hà Anh Tuấn	Thành viên	2014	05/05	100%	
3	Võ Thiên Chương	Thành viên	2014	04/05	100%	Từ nhiệm
4	Lê Thanh Duy	Thành viên	26/06/2018	01/01	100%	

- Giám sát tình hình tài chính của Công ty qua Báo cáo tài chính của năm 2017 đã được kiểm toán thông qua bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát và các báo cáo của Ban TGD, của HĐQT công ty được trình bày trước ĐHCĐ vào tháng 06/2018.

- Phối hợp tổ chức thành công ĐHCĐ của công ty vào tháng 06/2018 với các nội dung được Đại hội cổ đông thông qua Nghị quyết ĐHCĐ năm 2018 tại Biên Hòa, Đồng Nai.

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát các hoạt động và nghị quyết HĐQT, của Ban TGD Cty trong năm 2017.

- Kiểm tra và giám sát thực hiện theo các nội dung mà nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018 vừa tổ chức tại Biên Hòa 26/06/2018.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý trong hoạt động sản xuất – kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy Công ty và quy định quản lý của luật pháp.

- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, bảo quản tài sản của Công ty và tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán đã ban hành.

4. Hoạt động khác của BKS:

- Phối hợp, đôn đốc trong việc thu hồi công nợ tồn đọng.

- Giám sát việc xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị trong thời gian qua.

- Giám sát việc tuân thủ an toàn lao động trong sản xuất, công tác phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường trong Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (tr đồng)	Thu nhập (tr đồng)
1	Lâm Quy Chương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	600	
2	Phạm Linh	Thành viên Hội đồng quản trị	100	
3	Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	74	
4	Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	100	
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị	100	
6	Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc		519
7	Dương Minh Hoà	Phó Tổng Giám Đốc		475
8	Lê Minh Chi	Thành viên BKS	120	
9	Hà Anh Tuấn	Thành viên BKS	96	
10	Lê Thanh Duy	Thành viên BKS	18	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT, TGD	4.800.000	24 %	3.100.000	15,5%	Bán
1	Ông Võ Thiên Chương	Thành viên BKS	0	0%	2.000.000	10%	Mua

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2018, không có thành viên nào trong Ban lãnh đạo công ty có chứng chỉ về quản trị công ty. Tính tới thời điểm hiện tại, công ty có hai chứng chỉ về quản trị công ty của 01 thành viên: Ông Lương Minh Tuấn - Phó Tổng Giám Đốc

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng : 156-158 Phó Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3999 00 91-97 Fax : +84 (28) 3999 00 90
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 36
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	37



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650, và đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 24 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 07 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, về việc thay đổi thông tin địa chỉ email và địa chỉ trang web của Công ty.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC
Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : +84 (274) 3751 501
Fax : +84 (274) 3751 699
Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

• Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện	Địa chỉ
- Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
- Chi nhánh quận 8	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
- Chi nhánh Tp. HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (chi tiết: Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế.).

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch	28/04/2014	
Ông Phạm Linh	Thành viên	28/04/2014	
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên	28/04/2014	26/06/2018
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	26/11/2016	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	26/11/2016	
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	26/06/2018	

4.2 Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	28/04/2014	
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	28/04/2014	
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	28/04/2014	26/06/2018
Ông Lê Thanh Duy	Thành viên	26/06/2018	

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Thiên Chương	Tổng Giám đốc	03/07/2018	
Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc	29/03/2017	03/07/2018
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	29/03/2017	
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc	08/05/2014	3/03/2018
Ông Nguyễn Văn Khoa	Giám đốc Tài chính	08/01/2019	
Ông Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	28/12/2015	08/01/2019
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	01/03/2019	

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm này là ông Lâm Quy Chương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 37.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

- Ngày 25/02/2019, Hội đồng quản trị thông qua phương án tái cấu trúc Công ty theo mô hình tập đoàn. Theo đó, dự kiến sẽ thành lập 03 công ty con: Công ty CP Lốp xe Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%, đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315508598 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31/01/2019; vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng), Công ty CP Cấp Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%), Công ty CP Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%).
- Ngày 08/01/2019, ông Dương Minh Hòa thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc tài chính và được thay thế bởi ông Nguyễn Văn Khoa.
- Ngày 22/02/2019, Công ty đã gửi công bố đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc hoàn tất mua lại 721.000 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết HĐQT số 294/NQ/VCOM/NSU/18 ngày 28/12/2018.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng Quản trị



LÂM QUY CHƯƠNG – Chủ tịch HĐQT

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Số: 2153/19/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 (từ trang 08 đến trang 37), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0967-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		452.523.969.890	471.418.662.352
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	40.623.417.165	157.294.256.423
111	1. Tiền		40.623.417.165	95.391.025.904
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	61.903.230.519
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		27.344.430.036	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	27.344.430.036	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		172.764.028.354	186.070.939.407
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	119.944.484.108	142.669.552.266
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	33.330.983.275	24.965.463.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	15.000.000.000	15.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	5.630.977.313	4.776.922.083
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(1.142.416.342)	(1.340.998.415)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	200.863.747.446	122.966.054.752
141	1. Hàng tồn kho		206.734.694.357	137.250.233.980
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.870.946.911)	(14.284.179.228)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.928.346.889	5.087.411.770
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	70.301.542
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.928.346.889	4.742.191.863
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	-	274.918.365
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		189.242.361.968	186.836.357.229
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.202.136.648	381.928.829
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	6.202.136.648	-
216	2. Phải thu dài hạn khác		-	381.928.829
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		139.517.637.549	179.439.974.419
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	122.309.160.921	158.995.028.196
222	- Nguyên giá		308.762.045.879	350.183.770.987
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(186.452.884.958)	(191.188.742.791)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	-	1.904.839.688
225	- Nguyên giá		-	2.431.710.240
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(526.870.552)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	17.208.476.628	18.540.106.535
228	- Nguyên giá		19.917.950.483	22.897.402.879
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.709.473.855)	(4.357.296.344)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		36.000.000.000	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.12	36.000.000.000	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.522.587.771	7.014.453.981
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	7.522.587.771	7.014.453.981
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		641.766.331.858	658.255.019.581

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP-NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		409.282.286.508	417.420.223.228
310	I. Nợ ngắn hạn		405.940.466.508	414.578.723.228
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	116.850.196.741	125.486.910.322
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	2.262.684.219	388.697.031
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	1.651.691.288	277.780.389
314	4. Phải trả người lao động		2.421.424.610	2.919.956.639
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	812.352.899	678.111.733
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	11.553.990.022	1.552.857.410
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	267.901.964.696	278.165.796.496
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	2.486.162.033	5.108.613.208
330	II. Nợ dài hạn		3.341.820.000	2.841.500.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
337	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	3.341.820.000	2.841.500.000
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		232.484.045.350	240.834.796.353
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	232.484.045.350	240.834.796.353
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.384.120.000	11.384.120.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		13.300.417.851	12.888.352.026
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.799.507.499	16.562.324.327
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.738.192.677	8.321.007.825
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.061.314.822	8.241.316.502
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		641.766.331.858	658.255.019.581

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Người đại diện pháp luật)

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Phú Thái


NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG


LÂM QUY CHƯƠNG

KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	895.239.595.174	1.097.639.037.081
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		74.140.055	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		895.165.455.119	1.097.639.037.081
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	849.247.453.322	1.028.583.987.643
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.918.001.797	69.055.049.438
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.373.431.293	5.670.206.822
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	19.411.007.800	19.127.533.428
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		18.654.410.059	18.167.305.279
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	23.540.882.051	22.080.911.308
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	19.021.360.951	22.008.413.164
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.681.817.712)	11.508.398.360
31	11. Thu nhập khác	VI.7	17.342.318.345	432.857.057
32	12. Chi phí khác	VI.8	19.741.529	364.295.231
40	13. Lợi nhuận khác		17.322.576.816	68.561.826
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.640.759.104	11.576.960.186
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	2.579.444.282	2.783.717.456
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	551.926.228
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.061.314.822	8.241.316.502
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	98	391
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	98	391

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.


Người lập biểu


Nguyễn Phú Thái

Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Người đại diện pháp luật)



LÂM QUÝ CHƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.640.759.104	11.576.960.186
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.926.979.765	41.126.427.448
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	VI.12	22.964.095.990	21.850.366.336
03	- Các khoản dự phòng		(8.611.814.390)	5.272.686.792
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		86.651.016	(649.926.813)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(26.166.362.910)	(3.514.004.146)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	18.654.410.059	18.167.305.279
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.567.738.869	52.703.387.634
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.774.048.646	(63.403.718.403)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(69.484.460.377)	31.803.155.730
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(7.189.388.791)	(1.034.887.590)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(437.832.248)	(1.249.385.458)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(18.594.168.893)	(18.149.021.645)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(1.202.270.402)	(10.915.593.722)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		55.000.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.089.517.000)	(2.733.249.042)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(86.600.850.196)	(12.979.312.496)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(16.553.437.702)	(59.064.808.088)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		20.561.192.229	4.129.976.759
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(42.789.012.371)	(15.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		15.444.582.335	25.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	3.116.849.263	3.364.361.506
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.219.826.246)	(41.570.469.823)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	773.270.253.443	711.711.029.045
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(782.236.311.996)	(696.128.209.147)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(797.453.247)	(869.949.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(28.875.075.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.763.511.800)	(14.162.204.702)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(116.584.188.242)	(68.711.987.021)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	157.294.256.423	226.018.102.803
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(86.651.016)	(11.859.359)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	40.623.417.165	157.294.256.423

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thái
NGUYỄN PHÚ THÁI

Nguyễn Thị Thúy Hằng
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Người đại diện pháp luật)
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP-NHỰA VĨNH KHÁNH
LÂM QUÝ CHƯƠNG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sảm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tể bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh sau thuế năm nay của Công ty giảm 25% so với năm trước chủ yếu là quy mô sản xuất, bán hàng bị giảm do công ty cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh. Công ty đang thực hiện tái cấu trúc Công ty theo hướng chuyên môn hóa theo ngành, giữ lại những ngành hàng tiềm năng như cáp đồng, cáp mạng Lan...và hoạt động thương mại vô xe, mở rộng thương mại dây cáp điện có thương hiệu trong nước như Cadivi. Chuyên nhượng, góp vốn liên doanh đối với hoạt động không còn tiềm năng (nhựa, cáp quang...). Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự cạnh tranh lớn về giá.

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
2. Chi nhánh Tp.HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp.HCM.
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
5. Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 40 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (vô xe, ống nhựa), bán thành phẩm (cáp viễn thông)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP ngoại Thương Việt Nam, tỷ giá 23.190 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP ngoại Thương Việt Nam, tỷ giá 23.265 VNĐ/USD.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	338.118.418	651.383.888
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.285.298.747	94.739.642.016
Các khoản tương đương tiền	-	61.903.230.519
Cộng	<u>40.623.417.165</u>	<u>157.294.256.423</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền tiết kiệm có thời gian đáo hạn trên 03 tháng kể từ ngày 31/12/2018. Trong đó: giá trị tiền gửi tiết kiệm dùng để thế chấp cho các khoản vay là 18.500.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

3. Phải thu ngắn hạn và dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	119.944.484.108	142.669.552.266
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	14.467.860.602	34.513.755.673
- Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng	5.521.773.926	13.703.207.406
- Công ty TNHH TM DV Thiên Thanh Thảo	4.112.499.341	2.453.886.250
- Công ty CP Viễn thông FPT	2.613.506.500	3.942.123.625
- Trung tâm Cung ứng Vật tư – Viễn thông Tp. Hồ Chí Minh	2.287.279.148	2.372.865.330
- Các khách hàng khác	90.941.564.591	85.683.713.982
Cộng (*)	<u>119.944.484.108</u>	<u>142.669.552.266</u>

(*) Toàn bộ các khoản nợ phải thu luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.19.

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu về tiền ban tài sản cố định cho Công ty TNHH TM DV VQĐ. Thời hạn thu hồi nợ trong vòng 45 tháng kể từ tháng 5 năm 2018.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	33.330.983.275	24.965.463.473
- Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng ⁽¹⁾	9.883.735.864	11.250.470.000
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Luxhouse ⁽²⁾	8.700.000.000	-
- Công ty CP TM DV XD BĐS Mết Vương Vàng ⁽³⁾	6.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên ⁽⁴⁾	4.169.485.132	5.169.485.132
- Các người bán khác	4.577.762.279	8.545.508.341
Cộng	<u>33.330.983.275</u>	<u>24.965.463.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

⁽¹⁾ Là khoản trả tiền trước cho Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng để mua hạt nhựa theo Hợp đồng số 441/VK-AK-2017 ngày 11/12/2017 và số 442/VK-AK-2017 ngày 12/12/2017. Thời gian giao hàng trong vòng 06 tháng theo từng đơn đặt hàng.

⁽²⁾ Là khoản trả tiền trước để tư vấn hồ sơ, thủ tục pháp lý theo Hợp đồng số 261A/2018/HDDVTV ngày 03/11/2018. Thời gian hợp đồng: khi công việc tư vấn bán đất hoàn thành.

⁽³⁾ Là khoản trả tiền trước để mua đất để làm nhà kho chứa vỏ xe (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 066082, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17 và số BE 722716, thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17, tại ấp 6, xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An) theo Hợp đồng mua đất ngày 05/07/2018. Thời hạn hợp đồng: trong vòng 360 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

⁽⁴⁾ Là khoản trả tiền trước để mua vỏ xe theo Hợp đồng số 160/VK-TK-2018 ngày 02/06/2018. Thời gian giao hàng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên ⁽¹⁾	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức ⁽²⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

⁽¹⁾ Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 04/VK-TK/16 ngày 10/10/2016, kỳ hạn 06 tháng, được gia hạn thời gian cho vay theo hợp đồng vay số 1.2/VK-QĐ/18 ngày 01/01/2018 (được tái tục cho 06 tháng tiếp theo nếu chưa thu hồi được nợ gốc), lãi suất 6%/năm.

⁽²⁾ Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 01/VK-QĐ/16 ngày 20/06/2016, kỳ hạn 06 tháng, được gia hạn thời gian cho vay theo hợp đồng vay số 1.1/VK-QĐ/18 ngày 01/01/2018 (được tái tục cho vay 06 tháng tiếp theo nếu chưa thu hồi được nợ gốc), lãi suất 6%/năm.

6. Phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.630.977.313	-	4.776.922.083	-
- Tạm ứng cho nhân viên	2.357.034.888	-	2.130.910.975	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.955.192.425	-	2.234.761.108	-
- Phải thu khác	1.318.750.000	-	411.250.000	-
Cộng	5.630.977.313	-	4.776.922.083	-

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.340.998.415)	(5.398.736.149)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(542.769.573)
Hoàn nhập dự phòng	198.582.073	153.929.463
Xóa nợ đã trích lập dự phòng	-	4.446.577.844
Số cuối năm	(1.142.416.342)	(1.340.998.415)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan	-	-	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		1.932.440.686	790.024.343		4.536.449.087	3.195.450.672
- Công ty TNHH Vĩnh Khanh	Trên 1 năm, dưới 2 năm	1.092.039.033	546.019.516	Trên 6 tháng, dưới 1 năm	3.867.772.883	2.707.441.018
- Công ty Đồ gỗ Mộc Dương Gia	Trên 1 năm, dưới 2 năm	488.009.654	244.004.827	Trên 6 tháng, dưới 1 năm	488.009.654	488.009.654
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	352.391.999	-	Trên 3 năm	180.666.550	-
Cộng		1.932.440.686	790.024.343		4.536.449.087	3.195.450.672

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	25.403.279.091	(116.362.074)	28.209.915.300	(5.671.941.941)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.639.135.898	-	5.512.091.508	-
- Thành phẩm	29.827.760.126	(3.024.356.108)	41.973.798.887	(8.355.225.016)
- Hàng hóa	147.864.519.242	(2.730.228.729)	61.554.428.285	(257.012.271)
Cộng (*)	206.734.694.357	(5.870.946.911)	137.250.233.980	(14.284.179.228)

(*) Toàn bộ giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
-Số đầu năm	76.740.553.307	252.031.235.674	15.207.724.983	5.621.871.869	582.385.154	350.183.770.987
-Mua trong kỳ	-	6.610.522.010	1.871.818.182	-	-	8.482.340.192
-Đầu tư XDCB hoàn thành	6.789.650.817	-	-	-	-	6.789.650.817
-Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	2.431.710.240	-	-	-	2.431.710.240
-Thanh lý	(15.562.952.957)	(3.487.055.413)	(2.330.132.719)	-	-	(21.380.141.089)
- Đem đi góp vốn		(36.421.640.489)		(1.323.644.779)		(37.745.285.268)
Số cuối năm	67.967.251.167	221.164.772.022	14.749.410.446	4.298.227.090	582.385.154	308.762.045.879
Giá trị hao mòn						
-Số đầu năm	13.220.799.479	167.113.660.015	8.848.585.348	1.706.416.682	299.281.267	191.188.742.791
-Khấu hao trong năm	3.962.951.687	15.530.620.094	1.521.222.230	730.998.828	97.064.190	21.842.857.029
-Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	740.525.320	-	-	-	740.525.320
-Thanh lý	(1.941.825.314)	(7.772.128.401)	(823.088.287)	-	-	(10.537.042.002)
- Đem đi góp vốn		(16.359.367.216)		(422.830.964)		(16.782.198.180)
Số cuối năm	15.241.925.852	159.253.309.812	9.546.719.291	2.014.584.546	396.345.457	186.452.884.958
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	63.519.753.828	84.917.575.659	6.359.139.635	3.915.455.187	283.103.887	158.995.028.196
Số cuối năm	52.725.325.315	61.911.462.210	5.202.691.155	2.283.642.544	186.039.697	122.309.160.921

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 89.521.317.258 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 33.200.974.063 đồng (xem tại thuyết minh V.19).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
-Số đầu năm	2.431.710.240	2.431.710.240
-Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(2.431.710.240)	(2.431.710.240)
Số cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn		
-Số đầu năm	526.870.552	526.870.552
-Khấu hao trong năm	213.654.768	213.654.768
-Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(740.525.320)	(740.525.320)
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.904.839.688	1.904.839.688
Số cuối năm	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
-Số đầu năm	22.428.429.473	468.973.406	22.897.402.879
-Mua trong năm	1.281.446.700	-	1.281.446.700
-Thanh lý	(4.260.899.096)	-	(4.260.899.096)
Số cuối năm	19.448.977.077	468.973.406	19.917.950.483
Giá trị hao mòn			
-Số đầu năm	3.969.840.139	387.456.205	4.357.296.344
-Khấu hao trong năm	896.066.991	11.517.202	907.584.193
-Thanh lý	(2.555.406.682)	-	(2.555.406.682)
Số cuối năm	2.310.500.448	398.973.407	2.709.473.855
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	18.458.589.334	81.517.201	18.540.106.535
Số cuối năm	17.138.476.629	69.999.999	17.208.476.628

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 280.835.906 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 1.117.163.516 đồng (xem tại thuyết minh V.19).

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309, thửa số 4701, thuộc tờ bản đồ số 5 (2AB.9). Thời hạn sử dụng đến 6/8/2023.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179285, 1 phần thửa số 2922, tờ bản đồ số 2ba8. Thời hạn sử dụng đến 8/10/2053.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 527855, thửa số 02. Thời hạn sử dụng đất đến 5/12/2045.

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	36.000.000.000	36.000.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng ^(*)	36.000.000.000	36.000.000.000	-	-	-	-
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000	-	-	-	-

^(*) Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng (được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 8/3/2017; vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng), Công ty đã góp đủ phần vốn góp 36.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Khang Gia Hưng. Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại các sản phẩm nhựa, cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí thuê đất	1.815.462.596	1.863.237.932
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, các chi phí khác	5.707.125.175	5.151.216.049
Cộng (*)	<u>7.522.587.771</u>	<u>7.014.453.981</u>

(*) Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	7.014.453.981	5.835.370.065
Phát sinh trong năm	4.416.133.595	5.353.146.580
Phân bổ trong năm	(3.907.999.805)	(4.174.062.664)
Cộng	<u>7.522.587.771</u>	<u>7.014.453.981</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả cho các người bán khác</i>	116.850.196.741	116.850.196.741	125.486.910.322	125.486.910.322
- Công ty TNHH CN Cao Su Chính Tân Việt Nam	89.458.626.856	89.458.626.856	105.279.956.100	105.279.956.100
- Maxxis International (Thailand) Co.,Ltd	18.304.163.716	18.304.163.716	9.347.941	9.347.941
- Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	3.343.021.000	3.343.021.000	3.579.796.000	3.579.796.000
- Các người bán khác	5.744.385.169	5.744.385.169	16.617.810.281	16.617.810.281
Cộng	<u>116.850.196.741</u>	<u>116.850.196.741</u>	<u>125.486.910.322</u>	<u>125.486.910.322</u>

Trong đó nợ phải trả quá hạn: 0 đồng.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	2.262.684.219	388.697.031
- Công ty CP Cơ điện CDME	1.867.340.882	-
- Các người mua khác	395.343.337	388.697.031
Cộng	<u>2.262.684.219</u>	<u>388.697.031</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	6.790.655.129	(6.790.655.129)	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	274.918.365	362.062.879	(53.768.520)	33.375.994	-
- Thuế TNDN	226.137.214	-	2.579.444.282	(1.202.270.402)	1.603.311.094	-
- Thuế TNCN	51.643.175	-	351.756.369	(388.395.344)	15.004.200	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	277.780.389	274.918.365	10.087.918.659	(8.439.089.395)	1.651.691.288	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.640.759.104	11.576.960.186
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.245.110.297	2.341.627.092
+ Chi phí không được trừ	2.245.110.297	2.341.627.092
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.885.869.401	13.918.587.278
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.377.173.880	2.783.717.456
Thuế TNDN phải nộp truy thu của năm trước	1.202.270.402	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	2.579.444.282	2.783.717.456

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:

- Lãi vay phải trả
- Chi phí phải trả khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay phải trả	586.352.899	526.111.733
- Chi phí phải trả khác	226.000.000	152.000.000
Cộng	812.352.899	678.111.733

18. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:

- Cổ tức phải trả
- Phải trả khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ tức phải trả	11.439.115.400	1.439.115.400
- Phải trả khác	114.874.622	113.742.010
Cộng	11.553.990.022	1.552.857.410

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	267.901.964.696	267.901.964.696	277.368.343.249	277.368.343.249
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽¹⁾	37.663.452.530	37.663.452.530	41.252.846.800	41.252.846.800
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn ⁽²⁾	16.714.946.275	16.714.946.275	17.617.315.896	17.617.315.896
- Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina – Chi nhánh Bình Dương ⁽³⁾	-	-	5.924.653.900	5.924.653.900
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN KCN Bình Dương ⁽⁴⁾	-	-	51.129.900.800	51.129.900.800
- Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP HCM ⁽⁵⁾	57.638.780.881	57.638.780.881	41.562.191.888	41.562.191.888
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM	-	-	10.486.700.900	10.486.700.900
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Đồng Nai ⁽⁶⁾	34.702.696.661	34.702.696.661	10.506.268.300	10.506.268.300
- Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM ⁽⁷⁾	32.914.880.911	32.914.880.911	26.418.136.467	26.418.136.467
- Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Tân Bình ⁽⁸⁾	8.575.509.580	8.575.509.580	2.609.232.466	2.609.232.466
- Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi Nhánh 1 ⁽⁹⁾	79.691.697.858	79.691.697.858	69.861.095.832	69.861.095.832
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	-	-	797.453.247	797.453.247
Cộng	267.901.964.696	267.901.964.696	278.165.796.496	278.165.796.496

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng tín dụng số VNM 160366 ngày 09/05/2016 và các Thư gia hạn thời gian của hợp đồng này. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu số VNM CDT 080221/MR, hàng hóa trong kho số VNM CDT 080221/MS và quyền sử dụng đất số VNM 101460/L (xem tại thuyết minh V.3, V.8).

⁽²⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sài Gòn, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0211.HDTD.VIB625.17 ngày 27/06/2017. Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi của Công ty VIB phát hành trị giá tối thiểu 13.500.000.000 đồng; Hàng tồn kho luân chuyển tối thiểu 93.000.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.2, V.8).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(5) Là khoản vay Ngân Hàng BPCE IOM (tên cũ là Ngân hàng Natixis) – Chi nhánh Tp. HCM, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-000451-2018 ngày 24/9/2018. Hạn mức tín dụng: 2.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển cuối năm (xem tại thuyết minh V.3, V.8).

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 872/2018/HĐTD/DNI/01 ngày 8/3/2018. Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Số lượng 3.035.602 chứng khoán thuộc sở hữu của ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT).

(7) Là khoản vay Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10220151214-01 ngày 14/12/2015. Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Đảm bảo bởi bảo lãnh của cá nhân ông Lâm Quy Chương 1.500.000 USD; Hàng hóa tồn kho luân chuyển với giá trị 1.200.000 USD; Máy móc thiết bị giá trị tương đương 9,5 tỷ đồng (xem tại thuyết minh V.8, V.10).

(8) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – CN Tân Bình, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 224/2017/HĐTDHM ngày 20/10/2017. Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Số tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi của Công ty do Ngân hàng OCB, với giá trị là 5.000.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.2).

(9) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN 1 Tp. HCM, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 088/2018- HĐCVHM/NHCT902-VCOM ngày 28/09/2018. Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 9183, tờ bản đồ số 4 (2BA.8), phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh (xem tại thuyết minh V.11).

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	3.341.820.000	3.341.820.000	2.841.500.000	2.841.500.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	1.923.500.000	1.923.500.000	2.841.500.000	2.841.500.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN quận 11 ⁽²⁾	1.418.320.000	1.418.320.000	-	-
Cộng	3.341.820.000	3.341.820.000	2.841.500.000	2.841.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(1) Là khoản vay Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình, hợp đồng hạn mức tín dụng số 89/2016/HĐTDHM ngày 29/03/2016 và số 100/2016/HĐTD-DN ngày 29/3/2016; Hạn mức: 20.000.000.000 đồng; mục đích: bổ sung vốn lưu động của công ty. Tài sản đảm bảo bao gồm: 3 dây chuyền sản xuất cấp phi 60; 2 dây chuyền sản xuất cấp phi 50; 2 máy đùn nhựa phi 60; dây chuyền sản xuất tấm form PVC; máy in tấm form PVC; Dây chuyền kéo bọc liên hoàn; 2 xe ô tô tải 3,5 tấn; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải Hino số 61C-149.79; Xe Nissan số 60C - 153.13 (xem tại thuyết minh V.10).

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN quận 11, hợp đồng cho vay số SME/Q11/18/0045/HĐTD ngày 29/10/2018. Số tiền vay: 1.480.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe ô tô Volkswagen Sharan. Thời hạn vay: 48 tháng. Tài sản thế chấp: xe ô tô Volkswagen Sharan biển số 61A-531.43 (xem tại thuyết minh V.10).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu kỳ	5.108.613.208	2.786.473.947
- Trích lập trong kỳ	412.065.825	4.019.114.261
- Tăng khác trong kỳ	55.000.000	-
- Sử dụng trong kỳ	(3.089.517.000)	(1.696.975.000)
Số dư cuối kỳ	2.486.162.033	5.108.613.208

21. Vốn chủ sở hữu**21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại Phụ lục 01.

21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.000.000.000	30.000.000.000

21.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

21.4. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối Lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCD/VCOM/2018 ngày 26/06/2018, chi tiết như sau:

Chi tiết gồm:	Số tiền
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	412.065.825
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	412.065.825
- Chia cổ tức (dự kiến chia cổ tức từ KQKD của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCD/VCOM/2018 ngày 26/06/2018 (*)	10.000.000.000
Cộng	10.824.131.650

(*) Khoản cổ tức phải trả này chưa đăng ký ngày chốt quyền chi trả.

22. Tài khoản ngoài bảng**Nợ khó đòi đã xóa**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	1.482.868.860	1.482.868.860
- Nhà đất Đạt Thịnh	943.928.940	943.928.940
- Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	770.283.296	770.283.296
- Các khách hàng khác	1.807.798.208	1.807.798.208
Cộng	5.004.879.304	5.004.879.304

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thành phẩm	139.072.913.976	297.948.884.907
- Doanh thu hàng hóa	732.499.262.796	799.690.152.174
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.330.555.456	-
- Doanh thu bất động sản và tài sản gắn liền trên đất	18.336.862.946	-
Cộng	895.239.595.174	1.097.639.037.081

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm	128.410.979.776	283.435.179.769
- Giá vốn hàng hóa	705.854.345.014	740.264.961.192
- Giá vốn hoạt động cho thuê mặt bằng	3.515.219.458	-
- Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản gắn liền trên đất	12.191.569.994	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.473.216.458	4.883.846.682
- Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(10.886.448.775)	-
- Chi phí sản xuất vượt định mức	7.688.571.397	-
Cộng	849.247.453.322	1.028.583.987.643

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	3.116.849.263	4.624.702.506
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	211.291.850	1.045.504.316
- Khác	45.290.180	-
Cộng	3.373.431.293	5.670.206.822

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay và thuê tài chính	18.654.410.059	18.167.305.279
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	756.597.741	960.228.149
Cộng	19.411.007.800	19.127.533.428

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	10.240.879.858	9.832.107.831
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.885.695.123	978.411.669
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	11.414.307.070	11.270.391.808
Cộng	23.540.882.051	22.080.911.308

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	5.644.012.692	6.640.231.678
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.012.103.352	867.066.836
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	388.840.110
- Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(198.582.073)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	12.563.826.980	14.112.274.540
Cộng	19.021.360.951	22.008.413.164

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Chênh lệch TSCĐ đem đi góp vốn	16.912.255.424	-
+ Định giá lại TSCĐ góp vốn	36.000.000.000	-
+ Giá trị còn lại của TSCĐ góp vốn	(19.087.744.576)	-
- Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	-	149.642.640
+ Thu từ thanh lý TSCĐ	-	3.535.411.334
+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	(3.385.768.694)
- Thu nhập khác	430.062.921	283.214.417
Cộng	17.342.318.345	432.857.057

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	8.034.729	-
+ Thu từ thanh lý TSCĐ	2.224.329.283	-
+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	(2.232.364.012)	-
- Chi phí khác	11.706.800	364.295.231
Cộng	19.741.529	364.295.231

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.377.173.880	2.783.717.456
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.202.270.402	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.579.444.282	2.783.717.456

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.061.314.822	8.241.316.502
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(103.065.741)	(412.065.825)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.958.249.081	7.829.250.677
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	98	391

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.061.314.822	8.241.316.502
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(103.065.741)	(412.065.825)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.958.249.081	7.829.250.677
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	20.000.000	20.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	98	391

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.138.742.503	320.507.407.518
- Chi phí nhân công	23.140.578.108	25.536.592.010
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.964.095.990	21.850.366.336
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	32.323.879.891	25.651.704.383
Cộng	204.567.296.492	393.546.070.247

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	773.270.253.443	711.711.029.045
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	773.270.253.443	711.711.029.045

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(782.236.311.996)	696.128.209.147
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	(782.236.311.996)	696.128.209.147

VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ban Tổng Giám đốc)

	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao	2.885.074.000	2.237.086.000
Cổ tức được nhận	-	8.011.095.000
Cộng	2.885.074.000	10.248.181.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: bao gồm cấp.
- Hàng hóa: là vỏ xe, ống nhựa, cáp điện, tấm foarm, ống luồn dây điện,
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

• **Năm nay**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Thành phẩm</u>	<u>Hàng hóa</u>	<u>Cho thuê mặt bằng</u>	<u>Bán bất động sản và các tài sản trên đất</u>	<u>Cộng</u>
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.072.913.976	732.425.122.741	5.330.555.456	18.336.862.946	895.165.455.119
- Giá vốn hàng bán	128.410.979.776	705.854.345.014	3.515.219.458	12.191.569.994	849.972.003.311
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.473.216.458	-	-	2.473.216.458
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.886.448.775)	-	-	-	(10.886.448.775)
- Chi phí sản xuất vượt định mức	7.688.571.397	-	-	-	7.688.682.328
Lợi nhuận gộp	13.859.811.578	24.097.561.269	1.815.335.998	6.145.292.952	45.918.001.797

• **Năm trước**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Thành phẩm</u>	<u>Hàng hóa</u>	<u>Cộng</u>
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	297.948.884.907	799.690.152.174	1.097.639.037.081
- Giá vốn hàng bán	288.062.014.180	740.521.973.463	1.028.583.987.643
Lợi nhuận gộp	9.886.870.727	59.168.178.711	69.055.049.438

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Khu vực địa lý• *Năm nay*

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	859.452.610.579	35.712.844.540	895.165.455.119
- Giá vốn hàng bán	820.677.177.690	28.570.275.632	849.247.453.322
Lợi nhuận gộp	38.775.432.889	7.142.568.908	45.918.001.797

• *Năm trước*

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	997.250.153.746	100.388.883.335	1.097.639.037.081
- Giá vốn hàng bán	934.510.804.705	94.073.182.938	1.028.583.987.643
Lợi nhuận gộp	62.739.349.041	6.315.700.397	69.055.049.438

5. Tài sản đảm bảo*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty dùng các khoản tiền gửi tiết kiệm, các khoản nợ phải thu của khách hàng, các hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.19). Giá trị các tài sản tại ngày 31/12/2018 dùng để thế chấp là 379.497.316.044 đồng (xem tại thuyết minh V.2, V.3, V.8, V.9, V.11).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Số liệu so sánh

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán lại do quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ Kết quả kinh doanh sau thuế của năm trước có sự thay đổi (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCD/VCOM/2018 ngày 26/06/2018) so với số tạm tính.

Chỉ tiêu	Mã số	Số năm trước	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [2] - [1]
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	371	391	20
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	371	391	20

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 25/02/2019, Hội đồng quản trị thông qua phương án tái cấu trúc Công ty theo mô hình tập đoàn. Theo đó, dự kiến sẽ thành lập 03 công ty con: Công ty CP Lốp xe Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%, đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315508598 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31/01/2019; vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng), Công ty CP Cáp Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%), Công ty CP Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%).
- Ngày 08/01/2019, ông Dương Minh Hòa thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc tài chính và được thay thế bởi ông Nguyễn Văn Khoa.
- Ngày 22/02/2019, Công ty đã gửi công bố đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc hoàn tất mua lại 721.000 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết HĐQT số 294/NQ/VCOM/NSU/18 ngày 28/12/2018.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Người đại diện pháp luật)


Nguyễn Phú Thái



NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG


LÂM QUÝ CHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP-NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Di An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	11.384.120.000	13.924.626.068	42.340.122.086	267.648.868.154
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	8.241.316.502	8.241.316.502
- Lãi trong kỳ	-	-	-	8.241.316.502	8.241.316.502
3. Giảm trong năm trước	-	-	(1.036.274.042)	(34.019.114.261)	(35.055.388.303)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(34.019.114.261)	(34.019.114.261)
- Giảm khác	-	-	(1.036.274.042)	-	(1.036.274.042)
4. Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	11.384.120.000	12.888.352.026	16.562.324.327	240.834.796.353
1. Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	11.384.120.000	12.888.352.026	16.562.324.327	240.834.796.353
2. Tăng trong năm nay	-	-	412.065.825	2.061.314.822	2.473.380.647
- Lãi trong năm	-	-	-	2.061.314.822	2.061.314.822
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	412.065.825	-	412.065.825
3. Giảm trong năm nay	-	-	-	(10.824.131.650)	(10.824.131.650)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(412.065.825)	(412.065.825)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(412.065.825)	(412.065.825)
- Chia cổ tức (dự kiến chia cổ tức của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NO/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018)	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	11.384.120.000	13.300.417.851	7.799.507.499	232.484.045.350

Người lập biểu



Nguyễn Phú Thái

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Chủ tịch Hội đồng quản trị
 (Người đại diện pháp luật)